DANH MỤC THUỐC ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM C KHOẢN 1 ĐIỀU 7 THÔNG TƯ 15/2019/TT-BYT *

(Cập nhật tới ngày 10/11/2022)

TT	TÊN CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ	CHỨNG NHẬN GMP					SẢN PHẨM	
			TIÊU CHUẨN	CƠ QUAN CẤP CHỨNG NHẬN (ĐÁNH GIÁ XÁC NHẬN)	GIẤY CHỨNG NHẬN			VIỆT NAM	SRA
					Mã số	Ngày cấp	Hết hạn	SĐK lưu hành	Giấy phép lưu hành / CPP, Giấy tờ pháp lý khác
1	**Imexpharm Corporation Branch III (IMP3)**	No. 22, Street No. 2, Viet Nam Singapore industrial Zone II, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province, Viet Nam	EU-GMP	- Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha cấp - Cục Quản lý Dược Việt Nam đánh giá xác nhận	ES/106HV/19	24-07-2019	23-02-2022 (gia hạn đến 31-12-2022)	**Tên sản phẩm**: Thuốc bột pha tiêm IMETOXIM 1g (Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri) 1g) **SĐK:** VD-26846-17 **Ngày cấp**: 22/06/2017 **Ngày hết hạn**: 22/06/2022	**Tên sản phẩm:** CEFOTAXIME NETPHARMALAB 1g bột pha dung dịch tiêm và tiêm truyền EFG (Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri) 1g) **MA**: 82886-ES/H/0372/001/DC ngày 21/02/2018 **Ngày hết hạn:** 21/02/2023
								Tên sản phẩm: Viên nang cứng Opxil IMP 500 mg (Cephalexin (dưới dạng Cephalexin monohydrat compacted) 500mg) **SĐK**: VD-30400-18 **Ngày cấp**: 05/07/2018 **Ngày hết hạn**: 05/07/2023	**Tên sản phẩm**: Viên nang cứng Opxil IMP 500 mg (Cephalexin (dưới dạng Cephalexin monohydrat compacted) 500mg) **MA**: 85347-HU/H/0620/001/DC ngày 13/08/2020 **Ngày hết hạn**: 13/08/2025
2	**Branch of Imexpharm Corporation**	Vinh Loc Hi-Tech Pharmaceutical Antibiotic Plant, Lot B15/I - B16/I, Street 2A, Vinh Loc Industrial Park, Binh Hung Hoa B Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam	EU-GMP	- Cơ quan thẩm quyền Bồ Đào Nha cấp - Cục Quản lý Dược Việt Nam đánh giá xác nhận	FT072/S1/MH/001/2018	02-01-2019	21-09-2021 (gia hạn đến 31-12-2022)	**Tên sản phẩm**: Thuốc bột pha hỗn dịch uống Pharmox IMP 250 mg (Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 250mg) **SĐK**: VD-31725-19 **Ngày cấp**: 27/02/2019 **Ngày hết hạn**: 27/02/2024	**Tên sản phẩm**: Thuốc Amoxicilina Netpharmalab 250 mg Bột pha hỗn dịch uống dạng gói EFG (Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 250mg) **MA**: 85966-PT/H/2339/001/DC ngày 16/05/2021 **Ngày hết hạn**: 16/05/2026
								Tên sản phẩm: Viên nang cứng Pharmox IMP 500 mg (Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 500mg) **SĐK**: VD-28666-18 **Ngày cấp**: 08/01/2018 **Ngày hết hạn**: 08/01/2023	**Tên sản phẩm**: Thuốc Amoxicilina Netpharmalab 500 mg Capsulas duras EFG (Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 500mg) **MA**: 85980-PT/H/2341/001/DC ngày 24/05/2021 **Ngày hết hạn**: 24/05/2026
3	**Pymepharco Joint Stock Company**	166-170, Nguyen Hue Street, Tuy Hoa City, Phu Yen Province, Vietnam	EU-GMP	- Cơ quan thẩm quyền Đức cấp - Cục Quản lý Dược Việt Nam đánh giá xác nhận	DE_HE_01_GMP_2020_0072	18-05-2020	05-03-2023	**Tên sản phẩm**: Viên nén bao phim Cepoxitil 200 (Cefpodoxime 200mg) **SĐK:** VD-24433-16 **Ngày cấp**: 23/03/2016 **Ngày hết hạn**: 23/03/2021	**Tên sản phẩm**: Viên nén bao phim Cefdopoxim Stada 200mg **CPP**: Ba7446 ngày 20/10/2020
								Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Cepoxitil 100 (Cefpodoxime 100mg) **SĐK:** VD-24432-16 **Ngày cấp**: 23/03/2016 **Ngày hết hạn**: 23/03/2021	**Tên sản phẩm**: Viên nén bao phim Cefdopoxim Stada 100mg **CPP**: BE 0221-036 ngày 08/02/2021
4	**Pymepharco Joint Stock Company**	166-170, Nguyen Hue Street, Tuy Hoa City, Betalactam Sterile Manufacturing (Block B), Phu Yen Province, Vietnam	EU-GMP	- Cơ quan thẩm quyền Đức cấp - Cục Quản lý Dược Việt Nam đánh giá xác nhận	DE_HE_01_GMP_2018_0127	24-10-2018	31-12-2021 (gia hạn 31-12-2022)	**Tên sản phẩ**m: Thuốc bột pha tiêm Ceftriaxone EG 1g/10ml (Ceftriaxone 1g) **SĐK**: VD-26402-17 **Ngày cấp**: 06/02/2017 **Ngày hết hạn**: 06/02/2022	**Tên sản phẩm**: Thuốc bột và dung môi pha dung dịch tiêm Ceftriaxone EG 1g/10ml **CPP**: 038013 ngày 26/10/2020

TT	TÊN CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ	CHỨNG NHẬN GMP					SẢN PHẨM	
			TIÊU CHUẨN	CƠ QUAN CẤP CHỨNG NHẬN (ĐÁNH GIÁ XÁC NHẬN)	GIẤY CHỨNG NHẬN			VIỆT NAM	SRA
					Mã số	Ngày cấp	Hết hạn	SĐK lưu hành	Giấy phép lưu hành / CPP, Giấy tờ pháp lý khác
5	**Stellapharm J.V. Co., Ltd. - Branch 1**	No. 40 Tu Do Avenue, Vietnam - Singapore Industrial Park, An Phu Ward, Thuan An Town, Binh Duong Province, Vietnam	EU-GMP	- Cơ quan thẩm quyền Đức cấp - Cục Quản lý Dược Việt Nam đánh giá xác nhận	DE_HE_01_GMP_2020_0081			**Tên sản phẩm**: Viên bao phim Bisoprolol Stada 5mg (Bisoprolol fumarat 5mg) (Tên tại Việt Nam: Bisostad 5) **SĐK:** VD-23337-15 **Ngày hết hạn**: 09/09/2020; **Gia hạn SĐK** đến ngày 23/02/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số: 1810e/QLD-ĐK ngày 23/02/2021	**Tên sản phẩm:** Viên bao phim Bisoprolol Stada 5mg (Bisoprolol fumarat 5mg) **CPP**: DeBP31 Ngày 04.02.2016 (**)
								Tên sản phẩm: Viên bao phim Bisoplus Stada 5mg/12,5mg (Bisoprolol fumarat 5mg, Hydroclorothiazid 12,5mg) (Tên tại Việt Nam: Bisoplus HCT 5/12.5) **SĐK:** VD-18530-13 **Ngày hết hạn**: 07/03/2021 **Gia hạn SĐK** đến ngày 19/04/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số: 6166e/QLD-ĐK ngày 19/04/2021	**Tên sản phẩm:** Viên bao phim Bisoplus Stada 5mg/12,5mg (Bisoprolol fumarat 5mg, Hydroclorothiazid 12,5mg) **CPP**: DEJM100 Ngày: 10.11.2014 (**)
								Tên sản phẩm: Viên bao phim Bisoplus Stada 10mg/25mg (Bisoprolol fumarat 10mg, Hydroclorothiazid 25mg) Tên mới: Bisoplus HCT 10/25 **SĐK:** VD-19188-13 **Ngày hết hạn**: 19/07/2020; **Gia hạn SĐK** đến ngày 02/03/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số: 2583e/QLD-ĐK ngày 02/03/2021	**Tên sản phẩm:** Viên bao phim Bisoplus Stada 10mg/25mg (Bisoprolol fumarat 10mg, Hydroclorothiazid 25mg) **CPP**: DEJM99 Ngày 10.11.2014 (**)
								Tên sản phẩm: Viên nén Lisinopril Stada 10mg (Lisinopril 10mg); Tên mới: Lisinopril STELLA 10mg **SĐK:** VD-21533-14 **Ngày hết hạn**: 12/08/2020; **Gia hạn SĐK** đến ngày 17/02/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số:1300e/QLD-ĐK ngày 17/02/2021	**Tên sản phẩm:** Viên nén Lisinopril Stada 10mg (Lisinopril 10mg) **CPP**: DEJM90 Ngày: 10.11.2014 (**)
								Tên sản phẩm: Viên nén Lisiplus Stada 10mg/12,5mg (Lisinopril 10mg, Hydroclorothiazid 12,5mg) (Tên tại Việt Nam: Lisiplus HCT 10/12.5) **SĐK:** VD-17766-12 **Ngày hết hạn**: 26/12/2020 **Gia hạn SĐK** đến ngày 10/03/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số: 2878e/QLD-ĐK ngày 10/03/2021	**Tên sản phẩm:** Viên nén Lisiplus Stada 10mg/12,5mg (Lisinopril 10mg, Hydroclorothiazid 12,5mg) **CPP**: DEJM96 Ngày: 10.11.2014 (**)
								Tên sản phẩm: Viên nén Lisiplus Stada 20mg/12,5mg (Lisinopril 20mg, Hydroclorothiazid 12,5mg) (Tên tại Việt Nam: Lisiplus HCT 20/12.5) **SĐK:** VD-18111-12 **Ngày hết hạn**: 18/03/2021 **Gia hạn SĐK** đến ngày 19/04/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số: 6165e/QLD-ĐK ngày 19/04/2021	**Tên sản phẩm:** Viên nén Lisiplus Stada 20mg/12,5mg (Lisinopril 20mg, Hydroclorothiazid 12,5mg) **CPP**: DEJM92 Ngày: 10.11.2014 (**)

TT	TÊN CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ	CHỨNG NHẬN GMP					SẢN PHẨM	
			TIÊU CHUẨN	CƠ QUAN CẤP CHỨNG NHẬN (ĐÁNH GIÁ XÁC NHẬN)	GIẤY CHỨNG NHẬN			VIỆT NAM	SRA
					Mã số	Ngày cấp	Hết hạn	SĐK lưu hành	Giấy phép lưu hành / CPP, Giấy tờ pháp lý khác
						03-06-2020	07-03-2022 (gia hạn đến 31-12-2022)	**Tên sản phẩm**: Viên bao phim Losartan Stada 50mg (Losartan Kali 50mg) (Tên tại Việt Nam: Lostad T50) **SĐK:** VD-20373-13 **Ngày hết hạn**: 27/12/2020 **Gia hạn SĐK** đến ngày 12/03/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số: 3179e/QLD-ĐK ngày 12/03/2021	**Tên sản phẩm:** Viên bao phim Losartan Stada 50mg (Losartan Kali 50mg) **CPP**: DeBP30 ngày 04.02.2016 (**)
								Tên sản phẩm: Viên bao phim Metformin Stada 500mg (Metformin hydroclorid 500mg) Tên mới: Metformin STELLA 500mg **SĐK:** VD-23976-15 **Ngày hết hạn**: 17/12/2020 **Gia hạn SĐK** đến ngày 12/03/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số: 3182e/QLD-ĐK ngày 12/03/2021	**Tên sản phẩm:** Viên bao phim Metformin Stada 500mg (Metformin hydroclorid 500mg) **CPP**: DeBP29 Ngày 04.02.2016 (**)
								Tên sản phẩm: Viên bao phim Metformin Stada 850mg (Metformin hydroclorid 850mg) Tên mới: Metformin STELLA 850mg **SĐK:** VD-26565-17 **Ngày hết hạn**: 06/02/2022	**Tên sản phẩm:** Viên bao phim Metformin Stada 850mg (Metformin hydroclorid 850mg) **CPP**: DeBP28 Ngày 04.02.2016 (**)
								Tên sản phẩm: Viên bao phim tan trong ruột Pantoprazol Stada 40mg (Tên tại Việt Nam: Pantostad 40) **SĐK:** VD-18535-13 **Ngày hết hạn**: 18/03/2021 **Gia hạn SĐK** đến ngày 28/05/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số: 8755e/QLD-ĐK ngày 28/05/2021	**Tên sản phẩm:** Viên bao phim tan trong ruột Pantoprazol Stada 40mg **CPP**: DEJM103 Ngày: 10.11.2014 (**)
								Tên sản phẩm: Viên nén Paracetamol Stada 500mg (Tên tại Việt Nam: Partamol Tab.) **SĐK:** VD-23978-15 **Ngày hết hạn**: 17/12/2020. **Gia hạn SĐK** đến ngày 12/03/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số: 3181e/QLD-ĐK ngày 12/03/2021	**Tên sản phẩm:** Viên nén Paracetamol Stada 500mg **CPP**: DEJM104 Ngày: 10.11.2014 (**)
								Tên sản phẩm: Viên bao phim Piracetam Stada 800mg (Tên tại Việt Nam: Pracetam 800) **SĐK:** VD-18538-13 **Ngày hết hạn**: 18/03/2021. **Gia hạn SĐK** đến ngày 19/04/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số: 6164e/QLD-ĐK ngày 19/04/2021	**Tên sản phẩm:** Viên bao phim Piracetam Stada 800mg **CPP**: DEJM101 Ngày:10.11.2014 (**)
								Tên sản phẩm: Viên bao phim Piracetam Stada 1200mg (Tên tại Việt Nam: Pracetam 1200) **SĐK:** VD-18536-13 **Ngày hết hạn**: 19/03/2021 **Gia hạn SĐK** đến ngày 19/04/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số: 6163e/QLD-ĐK ngày 19/04/2021	**Tên sản phẩm:** Viên bao phim Piracetam Stada 1200mg **CPP**: DEJM102**.** Ngày: 10.11.2014 (**)

TT	TÊN CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ	CHỨNG NHẬN GMP					SẢN PHẨM	
			TIÊU CHUẨN	CƠ QUAN CẤP CHỨNG NHẬN (ĐÁNH GIÁ XÁC NHẬN)	GIẤY CHỨNG NHẬN			VIỆT NAM	SRA
					Mã số	Ngày cấp	Hết hạn	SĐK lưu hành	Giấy phép lưu hành / CPP, Giấy tờ pháp lý khác
								Tên sản phẩm: Viên nén giải phóng thay đổi Felodipin Stada 5mg retard (Felodipine 5mg) Tên mới: Felodipine STELLA 5mg retard **SĐK:** VD-26562-17 **Ngày hết hạn**: 06/02/2022	**Tên sản phẩm:** Viên nén giải phóng thay đổi Felodipin Stada 5mg retard (Felodipine 5mg) **CPP**: NJBQ31 Ngày 22.02.2017 (**)
								Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Ibuprofen STADA 600 mg. Tên mới: Ibuprofen STELLA 600mg **SĐK:** VD-26564-17 **Ngày hết hạn**: 06/02/2022	**Tên sản phẩm:** Viên nén bao phim Ibuprofen STADA 600 mg **CPP**: NJDR24 ngày 13.4.2018 (**)
								Tên sản phẩm: Viên nén Amlodipine (besilat) Stada 5mg; Tên tại Việt Nam: Amlodipine Stella 5 mg. **SĐK:** VD-30106-18 **Ngày hết hạn**: 27/03/2023	**Tên sản phẩm:** Viên nén Amlodipine (besilat) Stada 5mg **CPP**: NJBQ29 ngày 22.02.2017 (**)
								Tên sản phẩm: Viên nén Amlodipine (besilat) Stada 10mg. Tên tại Việt Nam: Amlodipine Stella 10 mg. **SĐK:** VD-30105-18 **Ngày hết hạn**: 27/03/2023	**Tên sản phẩm:** Viên nén Amlodipine (besilat) Stada 10mg. **CPP**: NJBQ30 ngày 22.02.2017 (**)
6	**Tenamyd Pharmaceutical Corporation**	Lot. Y. 01-02A, Tan Thuan Street, Tan Thuan Industrial Park/Export Processing Zone, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam	EU-GMP	- Cơ quan thẩm quyền Bulgary cấp - Cục Quản lý Dược Việt Nam đánh giá xác nhận	BG/GMP/2020/168			**Tên sản phẩm**: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-Cefuroxime 1500 **SĐK:** VD-19453-13 **Ngày cấp**: 10/09/2013 **Ngày hết hạn**: 03/02/2022	**Tên sản phẩm:** Thuốc bột pha dung dịch tiêm Cefuroxime Tenamyd 1500mg **MA**: BG/MA/MP-40082/05.01.2018 **Ngày hết hạn:** 05/01/2023
								Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-Cefuroxime 750 **SĐK:** VD-19452-13 **Ngày cấp**: 10/09/2013 **Gia hạn SĐK** đến ngày 22/03/2026 theo QĐ số 132/QĐ-QLD ngày 22/03/2021.	**Tên sản phẩm:** Thuốc bột pha dung dịch tiêm Cefuroxime Tenamyd 750mg **MA**: BG/MA/MP-40081/05.01.2018 **Ngày hết hạn:** 05/01/2023
								Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-Ceftriaxone 500 **SĐK:** VD-19451-13 **Ngày cấp**: 10/09/2013 **Ngày hết hạn**: 03/02/2022	**Tên sản phẩm:** Thuốc bột pha dung dịch tiêm Tenaxone 500mg (Ceftriaxone 500mg) MA: BG/MA/MP-41575/07.06.2018 **Ngày hết hạn:** 07/06/2023
								Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-Ceftriaxone 2000 **SĐK:** VD-19450-13 **Ngày cấp**: 10/09/2013 **Gia hạn SĐK** đến ngày 20/04/2027 theo QĐ 201/QĐ-QLD ngày 20/04/2022.	**Tên sản phẩm:** Thuốc bột pha dung dịch tiêm Tenaxone 2000mg (Ceftriaxone 2000mg) MA: BG/MA/MP-41577/07.06.2018 **Ngày hết hạn:** 07/06/2023

TT	TÊN CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ	CHỨNG NHẬN GMP					SẢN PHẨM	
			TIÊU CHUẨN	CƠ QUAN CẤP CHỨNG NHẬN (ĐÁNH GIÁ XÁC NHẬN)	GIẤY CHỨNG NHẬN			VIỆT NAM	SRA
					Mã số	Ngày cấp	Hết hạn	SĐK lưu hành	Giấy phép lưu hành / CPP, Giấy tờ pháp lý khác
						16-01-2020	09-10-2022 (gia hạn đến 31-12-2022)	**Tên sản phẩm**: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-Ceftriaxone 1000 **SĐK:** VD-19449-13 **Ngày cấp**: 10/09/2013 **Ngày hết hạn**: 03/02/2022	**Tên sản phẩm:** Thuốc bột pha dung dịch tiêm Tenaxone 1000mg (Ceftriaxone 1000mg) MA: BG/MA/MP-41576/07.06.2018 **Ngày hết hạn:** 07/06/2023
								Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-ceftazidime 2000 **SĐK:** VD-19448-13 **Ngày cấp**: 10/09/2013 **Gia hạn SĐK** đến ngày 03/02/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số 295e/QLD-ĐK ngày 03/02/2021	**Tên sản phẩm:** Thuốc bột pha tiêm Zidimcef Tenamyd 2g **MA:** BG/MA/MP-49758/25.02.2020 **Ngày hết hạn:** 25/02/2025
								Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-ceftazidime 1000 **SĐK:** VD-19447-13 **Ngày cấp**: 10/09/2013 **Gia hạn SĐK** đến ngày 03/02/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số 296e/QLD-ĐK ngày 03/02/2021	**Tên sản phẩm:** Thuốc bột pha tiêm Zidimcef Tenamyd 1g **MA:** BG/MA/MP-49757/25.02.2020 **Ngày hết hạn:** 25/02/2025
								Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-ceftazidime 500 **SĐK:** VD-19444-13 **Ngày cấp:** 10/09/2013 **Gia hạn SĐK** đến ngày 03/02/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số 297e/QLD-ĐK ngày 03/02/2021	**Tên sản phẩm:** Thuốc bột pha tiêm Zidimcef Tenamyd 500mg **MA:** BG/MA/MP-49756/25.02.2020 **Ngày hết hạn:** 25/02/2025
								Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-cefotaxime 500 **SĐK:** VD-19446-13 **Ngày cấp:** 10/09/2013 **Gia hạn SĐK** đến ngày 08/10/2026 theo QĐ số 132/QĐ-QLD ngày 22/03/2021.	**Tên sản phẩm:** Thuốc bột pha tiêm Tenataxime 500mg **MA:** II-38796/04-08-2017 **Ngày hết hạn:** 04/08/2022
								Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-cefotaxime 1000 **SĐK:** VD-19443-13 **Ngày cấp:** 10/09/2013 **Gia hạn SĐK** đến ngày 08/10/2026 theo QĐ số 572/QĐ-QLD ngày 08/10/2021.	**Tên sản phẩm:** Thuốc bột pha tiêm Tenataxime 1g **MA:** II-38797/04-08-2017 **Ngày hết hạn:** 04/08/2022
								Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-cefotaxime 2000 **SĐK:** VD-19445-13 **Ngày cấp:** 10/09/2013 **Gia hạn SĐK** đến ngày 03/02/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số 273e/QLD-ĐK ngày 03/02/2021	**Tên sản phẩm:** Thuốc bột pha tiêm Tenataxime 2g **MA:** BG/MA/MP-42008/25-07-2018 **Ngày hết hạn:** 25/07/2023

TT	TÊN CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ	CHỨNG NHẬN GMP					SẢN PHẨM	
			TIÊU CHUẨN	CƠ QUAN CẤP CHỨNG NHẬN (ĐÁNH GIÁ XÁC NHẬN)	GIẤY CHỨNG NHẬN			VIỆT NAM	SRA
					Mã số	Ngày cấp	Hết hạn	SĐK lưu hành	Giấy phép lưu hành / CPP, Giấy tờ pháp lý khác
7	**Medochemie (Far East) Ltd., (Oral Facility)**	No. 40, VSIP II Street 6, Vietnam-Singapore Industrial Park II, Binh Duong Industry-Service-Urban Complex, Hoa Phu ward, Thu Dau Mot city, Binh Duong province, Vietnam	EU-GMP	- Cơ quan thẩm quyền Síp cấp - Cục Quản lý Dược Việt Nam đánh giá xác nhận	MED08/2018/001	09-03-2018	31-12-2021 (gia hạn đến 31-12-2022)	**Tên sản phẩm**: Viên nén Hurmat 25mg **SĐK:** GC-283-17 **Ngày cấp**: 19/09/2017 **Ngày hết hạn**: 19/09/2022 Gia hạn SĐK đến ngày 31/12/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số 6942/QLD-ĐK ngày 20/07/2022	**Tên sản phẩm**: Viên nén Rilcapton 25mg **CPP**: 0652/21 ngày 20/04/2021
								Tên sản phẩm: Viên nén Aceralgin 400mg **SĐK:** GC-315-19 **Ngày cấp**: 27/02/2019 **Ngày hết hạn**: 27/02/2024	**Tên sản phẩm**: Viên nén Medovir 400mg **CPP**: 0653/21 ngày 20/04/2021
								Tên sản phẩm: Viên nén Aceralgin 800mg **SĐK:** GC-316-19 **Ngày cấp**: 27/02/2019 **Ngày hết hạn**: 27/02/2024	**Tên sản phẩm**: Viên nén Medovir 800mg **CPP**: 0654/21 ngày 20/04/2021
								Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Angioblock 80mg **SĐK:** GC-341-21 **Ngày cấp**: 23/06/2021 **Ngày hết hạn**: 23/06/2026	**Tên sản phẩm**: Viên nén bao phim Vapress 80mg **CPP**: 0891/21 ngày 09/06/2021
								Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Angioblock 160mg **SĐK:** GC-340-21 **Ngày cấp**: 23/06/2021 **Ngày hết hạn**: 23/06/2026	**Tên sản phẩm**: Viên nén bao phim Vapress 160mg **CPP**: 0892/21 ngày 09/06/2021
								Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Tamisynt 500mg **SĐK:** GC-246-16 **Ngày cấp**: 15/07/2016 **Ngày hết hạn**: 15/07/2021 Gia hạn SĐK đến ngày 31/12/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số 6942/QLD-ĐK ngày 20/07/2022	**Tên sản phẩm**: Viên nén bao phim Medociprin 500mg **CPP**: 0656/21 ngày 20/04/2021

* Công ty cam kết/chịu trách nhiệm về việc thuốc tham gia đấu thầu phải giống thuốc được nước SRA cấp giấy phép lưu hành

** Công ty cung cấp các bằng chứng chứng minh các sản phẩm được lưu hành tại các nước thuộc EMA trong 3 năm gần đây.